

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2019/DS-ST.  
Ngày: 27/8/2019  
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Kim Nguyễn**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thị Bảo Hồng**

2. Bà **Thái Thục Hiền**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lâm Cao Sơn** - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Kim Sinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-DS ngày 30/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị H**, sinh năm: 1965

Địa chỉ: 311 L28, khu phố 1, phường An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông **Lê Trọng E**, sinh năm: 1966

Địa chỉ: 190 Bùi Minh Trực, Phường 5, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn N**, sinh năm: 1958; địa chỉ: 311 L28, khu phố 1, phường An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 06/8/2018 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn – bà Võ Thị H trình bày: Ngày 19/9/2015, ông E có viết giấy tay vay mượn bà số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) để giải quyết khó khăn trong công việc và hẹn đến ngày 19/11/2015 sẽ trả đủ số tiền trên cho bà. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn hơn 03 năm mà ông E không trả tiền vay mượn như đã hẹn. Bà đã nhiều lần liên lạc nhưng ông E cố tình trốn tránh. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi cho mình bà khởi kiện ông E yêu cầu: Buộc ông Lê Trọng E phải trả số tiền nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2015 cho đến khi ông E trả dứt nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn - ông Lê Trọng E đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông E không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, ông E cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông E.

\* Tại Bản tự khai ngày 31/10/2018 và quá trình tham gia tố tụng, ông Lê Văn N trình bày: Ông là chồng của bà H, ông xác nhận vào ngày 19/9/2015, bà H có thông qua ông việc cho ông Lê Trọng E vay mượn số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) trong thời hạn 02 tháng. Đến nay đã quá thời hạn hơn 03 năm nhưng ông E không trả nợ mà còn trốn tránh nên ông cũng thống nhất với ý kiến của bà H yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Trọng E phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2015 cho đến khi ông E trả dứt nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn - bà Võ Thị H trình bày: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến có trong hồ sơ, buộc ông Lê Trọng E phải trả số tiền nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2015 cho đến khi ông E trả dứt nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - ông Lê Trọng E vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn N trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về

phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 290, 305, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Võ Thị H khởi kiện ông Lê Trọng E yêu cầu trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trên số tiền đã vay mượn, xác định đây là vụ án dân sự về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn - ông Lê Trọng E hiện đang cư trú tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – ông Lê Trọng E đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai (bằng thủ tục niêm yết, đăng báo, phát trên Đài phát thanh về ngày, giờ tham gia phiên tòa) nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Lê Trọng E.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, việc bà Võ Thị H yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Trọng E phải trả số tiền nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2015 cho đến khi ông E trả dứt nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn - ông Lê Trọng E đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa (bằng thủ tục niêm yết, đăng báo, phát trên Đài phát thanh) nhưng ông E không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng. Đồng thời, ông E cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Điều này xem như ông E đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ

quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

- Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc:

Căn cứ Giấy mượn tiền đề ngày 19/9/2015 do ông Lê Trọng E viết, có nội dung *“Tôi tên Lê Trọng E, sinh năm 1966; hiện ngụ 190 Bùi Minh Trục, Phường 5, Quận 8 có mượn chị Võ Thị H số tiền là 400.000.000 (Bốn trăm triệu). Tôi cam kết đến 19/11/2015 tôi sẽ hoàn trả số tiền như trên, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”*.

Xét hình thức Giấy mượn tiền đề ngày 19/9/2015 tuy là văn bản viết tay, không có công chứng chứng thực nhưng vẫn có hiệu lực, được công nhận theo quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 401 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xét nội dung giấy mượn tiền trên cho thấy ông E vay mượn bà H số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và cam kết đến ngày 19/11/2015 ông sẽ hoàn trả đủ số tiền nêu trên cho bà H. Tuy nhiên, theo bà H trình bày thì cho đến nay là đã quá thời hạn 03 năm nhưng ông E không trả nợ mà còn trốn tránh. Như vậy, ông E đã vi phạm thỏa thuận giữa ông với bà H, vi phạm quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, yêu cầu đòi tiền nợ gốc của bà H là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Về yêu cầu đòi tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2015 cho đến khi ông E trả dứt nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật:

Xét, ông E đã không thực hiện đúng cam kết về thời hạn trả nợ (ngày 19/11/2015) thì phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ. Bà H yêu cầu ông E phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc chậm trả kể từ ngày 20/11/2015 đến thời điểm ông E trả dứt nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 290, khoản 2 Điều 305, khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm.

Như vậy, tiền lãi ông E phải trả tính từ 20/11/2015 đến ngày 27/8/2019 là 03 năm 09 tháng 07 ngày với lãi suất 9%/năm (400.000.000 đồng x 03 năm 09 tháng 07 ngày x 9%/năm = 135.700.000 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông E còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về thời hạn thanh toán:

Xét, ông E đã vi phạm thời hạn thanh toán, từ khi hết thời hạn cam kết ngày 19/11/2015 đến nay ông E cũng không thanh toán khoản tiền nào cho bà H. Như vậy cho thấy ông E đã không có thiện chí trả nợ nên yêu cầu của bà H buộc ông E trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Văn N xác nhận số tiền 400.000.000 đồng mà bà H cho ông E vay mượn là tiền chung của vợ chồng nhưng ông thống nhất với ý kiến của bà H là yêu cầu ông E hoàn trả cho bà H tiền gốc và lãi phát sinh từ ngày 20/11/2015 đến khi ông E trả dứt nợ, ý kiến này không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm là 25.428.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng):

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp;

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 290, khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 401, Điều 471, khoản 1 và khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Trọng E phải thanh toán cho bà Võ Thị H số tiền 535.700.000đ (Năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng), trong đó (nợ gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 20/11/2015 đến ngày 27/8/2019 là 135.700.000 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông E còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả lại cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.440.000đ (Mười một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018251 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;

- Ông Lê Trọng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.428.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

## 3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Võ Thị Hương, ông Lê Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Ông Lê Trọng E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### ***Nơi nhận:***

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**Đặng Thị Kim Nguyễn**







